

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND xã Minh Đức)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư								Năm đầu tiên bổ trí vốn "thực hiện dự án"	Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030	trong đó				Ghi chú
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư								NSTT	XSKT	Đất	Khác (ví dụ: thuế tài nguyên nước ...)	
				Số/ngày	TMBT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMBT							
				5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14.1	14.2	14.3	14.4	15
	TỔNG CỘNG												118.000					
I	Phân bổ chi tiết																	
I.1	Dự phòng (dự kiến phân bổ cho các dự án theo danh mục khi hoàn thiện thủ tục đầu tư)				118.000						118.000		118.000	63.777	36.223	18.000		
1	Giao thông	chưa có mã	Xây dựng đường nhựa ấp 4 nổi xã Minh Đức		5.500		1,75 km				5.500		5.500					
2	Giao thông	chưa có mã	Xây dựng đường nhựa ấp An Tân kết nối đường Tây QL13		9.000		2,7 km				9.000		9.000					
3	Giao thông	chưa có mã	Xây dựng đường nhựa ấp Bình Phú đi Sóc Rul		7.500		2,5 km				7.500		7.500					
4	Giao thông	chưa có mã	Xây dựng đường nhựa ấp 1 đi sóc 5		7.500		2,6 km				7.500		7.500					
5	Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp sửa chữa đường, mương thoát nước ấp 1A		4.400		1,7km				4.400		4.400					
6	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường nhựa ấp 4 vào chốt dân quân		2.500		1,2km				2.500		2.500					
7	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường nhựa ấp An Tân		12.000		3,4 km				12.000		12.000					
8	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường nhựa sóc 5 đi K4 Trại giam Tổng Lê Chân		3.600		1,4km				3.600		3.600					
9	Giáo Dục	Chưa có mã	Nâng cấp, sửa chữa các phòng học, xây dựng hàng rào và các công trình phụ trợ khối THCS trường TH&THCS Minh Tâm		8.000		Nâng cấp, sửa chữa các phòng học, xây dựng hàng rào và các công trình phụ trợ				8.000		8.000					
10	Giáo Dục	Chưa có mã	Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị khối THCS trường TH,THCS Minh Đức		28.000		Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị				28.000		28.000					

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư								Năm đầu tiên bổ trí vốn "thực hiện dự án"	Dự kiến Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030	trong đó				Ghi chú
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư								NSTT	XSKT	Đất	Khác (ví dụ: thuế tài nguyên nước ...)	
				Số/ngày	TMDT	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMDT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14.1	14.2	14.3	14.4	15
11	Giáo Dục	Chưa có mã	Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, hàng rào, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị khối tiểu học trường TH,THCS Minh Tâm		30.000		Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, hàng rào, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị				30.000		30.000					